

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2020/HS-ST**
Ngày: 12-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trường Thọ** và bà **Võ Thị Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2020/TLST-HS ngày 27-4-2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HS ngày 27-4-2020, đối với bị cáo:

Võ Duy H (tên gọi khác: **Bờm**), sinh năm 1987, tại Đ;

Nơi cư trú: Tổ 14, khu phố Núi Tung, phường Suối Tre, thành phố K, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Năm, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị Hương, sinh năm 1958; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có năm người con; có vợ Trần Thị Thanh Mỹ, sinh năm 1994 (đã ly hôn), có 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 19-7-2019, bị Công an thành phố K xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ, về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định số 0757/QĐ-XPHC, hiện bị cáo chưa chấp hành quyết định; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19-02-2020 đến nay (*có mặt*).

Bị hại: Ông **Lê Văn G**, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 25, Đường số 23, khu phố Suối Tre, thành phố K, tỉnh Đ (*vắng mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Võ Văn N**, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 14, khu phố Núi Tung, phường Suối Tre, thành phố K, tỉnh Đ (*có mặt*).

Người làm chứng:

1. Anh **Đoàn Thành Đ**, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 6, ấp Bàu Trâm, xã Bàu Trâm, thành phố K, tỉnh Đ (*vắng mặt*).

2. Anh **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 35, Khu phố 5, phường Xuân Bình, thành phố K, tỉnh Đ (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 40 phút, ngày 15-02-2020 Võ Duy H một mình điều khiển xe mô tô biển số 60M1-5855, đi đến nhà người bạn tên Ry, tại phường Xuân Trung, thành phố K để chơi. Tại đây, H gặp Đoàn Thành Đạt, H rủ Đạt đi lên phường Suối Tre chơi, Đạt đồng ý. Đạt điều khiển xe mô tô biển số 60M1-5855 chở H đi từ phường Xuân Trung đến phường Suối Tre, thành phố K. Trên đường đi ngang qua nhà ông Lê Văn Giáp, sinh năm 1958, trú tại: Số nhà 25, Đường số 23, khu phố Suối Tre, thành phố K, tỉnh Đ, H phát hiện trong sân nhà ông Giáp có treo một lồng chim, bên trong có một con chim chào mào, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bèn lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, H nói với Đạt dừng xe lại, H xuống xe, đi bộ đến trước cổng chính và trèo qua hàng rào vào bên trong nhà ông Giáp, lén lút lấy chiếc lồng chim, bên trong có một con chim chào mào, sau đó H trèo qua hàng rào để ra ngoài và chạy lại nơi Đạt dừng xe. Lúc này, Đạt đã biết H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng vẫn tiếp tục điều khiển xe, chở H tẩu thoát. Ông Giáp đang ở trong nhà, nghe tiếng chó sủa chạy ra thì phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo sự việc đến Công an phường Suối Tre.

Sau khi lấy được chim và lồng chim, Đạt chở H quay về phường Xuân Trung, H mang chim và lồng chim bán cho anh Nguyễn Quốc Huy được số tiền 200.000đ, sau đó H tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Đến 19 giờ cùng ngày, Công an phường Suối Tre mời H lên làm việc, tại đây, H đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/HĐĐGTSTTHS, ngày 25-02-2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố K, xác định giá trị tài sản như sau: 01 (Một) con chim chào mào, đang còn sống (thời điểm ngày 15-02-2020), có giá trị 1.425.000đ; 01 (Một) lồng chim bằng gỗ, đã qua sử dụng (thời điểm 15-02-2020), có giá trị 400.000đ. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là: 1.565.000đ (Một triệu năm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS-LK ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, truy tố bị cáo Võ Duy H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 (Sáu) đến 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 16 (Mười sáu) tháng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo nói lời sau cùng như sau: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, bị cáo và vợ đã ly hôn và đi nơi khác sinh sống, bỏ lại hai con nhỏ cho bị cáo nuôi dưỡng, do hoàn cảnh quá khó khăn nên bị cáo nhất thời phạm tội. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo kiếm nghề nghiệp ổn định, nuôi dưỡng hai con nhỏ.

Bị hại Lê Văn Giáp trong quá trình điều tra thừa nhận, đã nhận lại tài sản là 01 (Một) con chim chào mào và 01 (Một) lồng chim bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Võ Văn Năm xác định: Xe mô tô biển số 60M1-5855 là tài sản hợp pháp của ông, vào ngày 15-02-2020, H mượn xe của ông đi chơi, ông không biết H sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, ông đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận: Bị cáo là người đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hiện chưa chấp hành quyết định xử phạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nhưng lại lười lao động, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc lồng chim, bên trong có một con chim chào mào, có giá trị tổng cộng là 1.565.000đ (Một triệu năm sáu mươi lăm nghìn đồng) của ông Lê Văn Giáp. Bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ, nhưng đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt *“Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm”*. Từ đó, có cơ sở xác định, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng số 47/CT-VKSLK ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động chính đáng, biết rõ, hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Vào năm 2019, bị cáo bị Công an thành phố K xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định số 0757/QĐ-XPHC ngày 19-7-2019. Tuy nhiên, tình tiết này đã là dấu hiệu định tội danh như đã đề cập ở trên, nên không coi đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng không gây thiệt hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[6] Về quyết định hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ nghiêm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, một mình nuôi hai con nhỏ, nên miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo.

[8] Các biện pháp tư pháp: Bị hại Lê Văn Giáp đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), có được từ việc bị cáo bán tài sản trộm cắp, là tiền thu lợi bất chính, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung Ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về vật chứng: 01 (Một) lồng chim bằng gỗ, 01 (Một) con chim chào mào là tài sản của ông Lê Văn Giáp, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

Xe mô tô biển số 60M1-5855 là tài sản hợp pháp của ông Võ Văn N, ông N không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra tiến hành trả lại xe cho ông Năm là đúng quy định của pháp luật.

[10] Các vấn đề khác: Anh Nguyễn Quốc H khi mua tài sản, không biết nguồn gốc của tài sản là do phạm tội mà có, nên không có cơ sở để xử lý anh Huy

về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Số tiền anh Huy đã bỏ ra để mua tài sản, anh không yêu cầu bị cáo hoàn trả, nên không xem xét.

Đối với Đoàn Thành Đ tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm giúp sức, nhưng do tài sản bị chiếm đoạt không đủ định lượng, Đ không phạm vào một trong các tình tiết từ điểm a đến điểm d khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đ, Cơ quan điều tra ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đạt là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội cũng như đề xuất về mức hình phạt đối với bị cáo về cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Duy H (Tên gọi khác: Bờm) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Duy H **08 (Tám) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Võ Duy H cho Ủy ban nhân dân phường Suối Tre, thành phố K, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Võ Duy H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập.

2. Buộc bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Năm) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại (ông

Giáp) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- VKSND thành phố K;
- CQCSĐT Công an thành phố K;
- CQ THAHS Công an thành phố K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

